

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP PNT TOÀN CẦU
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP PNT TOÀN CẦU

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: GLOBAL PNT INDUSTRY COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: GLOBAL PNT INDUSTRY CO.,LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0108872221

3. Ngày thành lập: 21/08/2019

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 49 phố Yên Sở , Phường Yên Sở, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác	2930(Chính)
2.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
3.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
4.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
5.	Bán mô tô, xe máy	4541
6.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
7.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
8.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818
9.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
10.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
11.	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	2825
12.	Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da	2826
13.	Sản xuất thân xe ô tô và xe có động cơ khác, rơ moóc và bán rơ moóc	2920
14.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
15.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
16.	Cơ sở lưu trú khác	5590
17.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);	5610

18.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
19.	Dịch vụ ăn uống khác (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);	5629
20.	Dịch vụ phục vụ đồ uống (không bao gồm kinh doanh quán bar);	5630
21.	Cho thuê xe có động cơ	7710
22.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
23.	Cho thuê băng, đĩa video	7722
24.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
25.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
26.	Cho thuê tài sản vô hình phi tài chính	7740
27.	Giáo dục nhà trẻ	8511
28.	Giáo dục mẫu giáo	8512
29.	Giáo dục tiểu học	8521
30.	Giáo dục trung học cơ sở	8522
31.	Giáo dục trung học phổ thông	8523
32.	Đào tạo sơ cấp	8531
33.	Đào tạo trung cấp	8532
34.	Cắt tóc, làm đầu, gội đầu	9631
35.	Sản xuất khí đốt, phân phối nhiên liệu khí bằng đường ống	3520
36.	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá	3530
37.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
38.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
39.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
40.	Thu gom rác thải độc hại	3812
41.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
42.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
43.	Tái chế phế liệu (trừ các loại Nhà nước cấm)	3830
44.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
45.	Bán buôn đồ uống	4633
46.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào (trừ thuốc lá ngoại)	4634
47.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp (trừ thuốc lá ngoại)	4711

